SỞ Y TẾ PHÚ YÊN
TRUNG TÂM Y TẾ H. TUY AN

Số: 742 /TB-TTYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuy An, ngày 28 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO
V/v cung cấp báo giá vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro

Kính gửi: Quý công ty.

Trung tâm Y tế huyện Tuy An có nhu cầu mua sắm một số vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro để phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại đơn vị *(chi tiết theo danh mục kèm theo)*.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm một số vật tư tiêu hao, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro để phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại đơn vị. Trung tâm Y tế huyện Tuy An kính mời Quý công ty có khả năng cung cấp các mặt hàng trên, xin gửi báo giá với đầy đủ các nội dung cần thiết *theo biểu mẫu đính kèm*.

Thời gian nhận báo giá: từ ngày 28/9/2022 đến hết ngày 1/10/2022.

Địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Tuy An, KP. Trường Xuân, Thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An , tỉnh Phú Yên.

Email: bvtaphongtchc@gmail.com

Điện thoại: 0257.3865245

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Y tế (b/c);
- CDC tỉnh(Đăng Website Sở Y tế);
- Website TTYT H. Tuy An;
- Lưu: TCHC, K.Dược.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ YÊN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUY AN

Nguyễn Hồng Sơn

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(kèm theo thông báo số 742 /TB-TTYT ngày 28/9/2022 của Trung tâm Y tế H. Tuy An)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn, qui cách	Đv tính	Ghi chú
I	**VẬT TƯ Y TẾ**			
1	Phim X quang	24cmx30cm	Tấm	
2	Phim X quang	35cm x 35cm	Tấm	
3	Phim X quang	30cm x 40cm	Tấm	
4	Film X Quang kỹ thuật số	20x25cm (8x10 in)	Tấm	
5	Giấy đo điện tim 3 cần	63mm x 30m x17 mm	Cuộn	
6	Giấy đo điện tim 6 cần	110mm x 140mm x142 tờ.	Tập	
7	Giấy in nhiệt	Giấy in nhiệt các cỡ, dùng cho máy nước tiểu, điện giải, máy miễn dịch	Cuộn	
8	Giấy in nhiệt	57mm x 30m	Cuộn	
9	Giấy siêu âm	110mm x 20m	Cuộn	
10	Bơm tiêm 1cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1/2	Cây	
11	Bơm tiêm 1cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 25G x 1"	Cái	
12	Bơm tiêm 5cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	
13	Bơm tiêm 10cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 10ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	
14	Bơm tiêm 20cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	
15	Bơm tiêm 50cc	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Đạt tiêu chuẩn ISO và CE	Cái	
16	Kim cánh bướm	25G	Cái	
17	Kim chích máu		Cái	

18	Kim lấy máu	Bằng kim loại không gỉ, sắc bén	Cái	
19	Kim lấy thuốc	Các số	Cái	
20	Kim tiêm	Các số	Cái	
21	Kim nha khoa	27G x 1.3/16 (0,40 x 30mm)	Cây	
22	Kim nha khoa	27G x 1.3/16 (0,40 x 21mm)	Cây	
23	Kim châm cứu số 2	cây	Cây	
24	Kim châm cứu số 3	cây	Cây	
25	Kim châm cứu số 4	cây	Cây	
26	Kim châm cứu số 5	cây	Cây	
27	Kim đầu bằng (kim cấy chỉ)	Kích cỡ: 0,30 x 33 mm; 0.35 x 45 mm, vô trùng.	Cây	
28	Kim khâu da, cơ	Các số	Cái	
29	Kim chọc dò và gây tê tủy sống	các số từ 18 - 27	Cái	
30	Kim luồn tĩnh mạch	các số: 14G,18G, 20G, 22G, 24G	Cái	
31	Kim luồn tĩnh mạch (bung dù hay an toàn)	các số: 18G, 20G, 22G	Cái	
32	Kim luồn tĩnh mạch	số 24G	Cái	
33	Dao mổ các số	từ số 10 tới số 15	Cái	
34	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 30 mm	Tép	
35	Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 20 mm	Tép	
36	Chỉ Polyglycolic acid số 1	Chỉ tan đa sợi được làm từ Polyglycolic acid số 1, sợi chỉ dài ≥ 90cm, kim tròn thân dày phủ sillicone 1/2C dài 40mm. Kim bằng thép không rỉ 301(Cr: 16-18%), bọc Silicon. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Tiêu chuẩn CE.	Tép	

37	Chỉ Polyglactin 910 số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi được làm từ Polyglactin 910 số 1 , sợi chỉ dài ≥ 90cm, kim tròn đầu tròn 1/2C, dài 40mm. Kim bằng thép không rỉ 301(Cr: 16-18%), bọc Silicon. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Tiêu chuẩn CE	Tép	
38	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0, kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi được làm từ Polyglactin 910 số 2/0 , sợi chỉ dài ≥ 75cm, kim tròn đầu tròn 1/2C, dài ≥ 25mm. Kim bằng thép không rỉ 301(Cr: 16-18%), bọc Silicon. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Tiêu chuẩn CE.	Tép	
39	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0, kim tam giác	Chỉ tan tổng hợp đa sợi được làm từ Polyglactin 910 số 2/0 , sợi chỉ dài ≥ 90cm, kim tam giác 1/2C, dài 36mm	Tép	
40	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0, kim tròn	Chỉ tan nhanh đa sợi được làm từ Polyglactin 910, chỉ phủ Poly (glycolide-co-L- lactide) PGLA (30:70) và calcium stearate, số 2/0, dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 36mm. Kim bằng thép không rỉ 301, bọc Silicon. Độ bền kéo nút thắt hơn 20-50% so với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Tiêu chuẩn CE	Tép	
41	Chỉ Polyglactin 910 số 1, có chất kháng khuẩn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan số 1 sợi chỉ dài ≥ 90cm, kim tròn đầu tròn taper CT, 1/2C, dài 40 mm. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	
42	Chỉ Polyglactin 910 số 1, có chất kháng khuẩn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có	Tép	

		chất kháng khuẩn Triclosan số 1 sợi chỉ dài ≥ 90cm, kim tròn đầu tròn taper CT, 1/2C, dài 40 mm. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.		
43	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác, dài 26 mm	Tép	
44	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 kim tròn	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm. kim bằng thép không rỉ 301 bọc Silicon. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với US. Tiêu chuẩn CE	Tép	
45	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0 kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8 C, dài 18 mm	Tép	
46	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 4/0 kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 4/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8 C, dài 18 mm	Tép	
47	Chỉ nylon số 2/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 26 mm. kim bằng thép không rỉ 301 bọc Silicon. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Tiêu chuẩn CE	Tép	
48	Chỉ nylon số 3/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 3/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C, chiều dài kim từ 20 mm đến 26 mm. Kim bằng thép không rỉ 301 bọc Silicon. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP.Tiêu chuẩn CE	Tép	
49	Chỉ nylon số 4/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 4/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 18 mm	Tép	

50	Đầu cole trắng	Thể tích 10 µl	Cái	
51	Đầu cole vàng	Thể tích 200 µl	Cái	
52	Đầu cole xanh	Thể tích 1000 µl	Cái	
53	Lam kính	Lam nhám	cái	
54	Lam kính	Lam trơn	cái	
55	Lamen	22mm x 22mm. Hộp 100 cái	Hộp	
56	Ống mao dẫn Haematokrit	75mm/75µl. Lọ 100 ống	Lọ	
57	Ống nghiệm EDTA K2	Kích thước ống:12mm x7,5cm	Ống	
58	Ống nghiệm heparin	Ø 12 mm x 8 cm	Ống	
59	Ống Nghiệm Nhựa 5ml	Ống nghiệm nhựa PS/PP 5ml (12x75mm) có nhãn	Ống	
60	Ống nghiệm Serum	có chứa hạt nhựa Polystyrene	Ống	
61	Ống nghiệm Tri-Na Citrat	Kích thước Ø 12mm x 75 mm, chứa Tri-Na Citrat 9NC/3,8%	Ống	
62	Cây nạo ngà	Cái	Cái	
63	Chất lấy dấu Alginat		Gói	
64	Chêm gỗ 1cm	gói 10 cái	Gói	
65	Đài cao su	hộp 144 cái	cái	
66	Lentulo	21mm,25mm	Hộp	
67	Composite lỏng	Cây	Cây	
68	Bông y tế 25g	Gói 25g	Gói	
69	Bông thấm nước	bì 1Kg	kg	
70	Bông không thấm nước (Bông mỡ)	bì 1Kg	kg	
71	Gạc phẫu thuật	10cm x10cm x 8 lớp vô trùng	Cái	
72	Gạc y tế vô trùng	Gạc y tế vô trùng 5cm x 6,5cm x 12 lớp	miếng	

73	Băng bột bó xương	Kích thước 10cm x 460cm, bột liền gạc	Cuộn	
74	Băng bột bó xương	Kích thước 15cm x 460cm, bột liền gạc	Cuộn	
75	Băng keo cá nhân	2cm x 6cm	Miếng	
76	Băng keo có gạc vô trùng 9cm x 10cm	9cm x 10cm	Miếng	
77	Băng keo lụa 1,25cm x 5m	kích thước 1,25cm x 5m	Cuộn	
78	Băng keo lụa	kích thước 1,25cm x 5m	Cuộn	
79	Băng keo lụa	Kích thước 2,5cm x 5m	Cuộn	
80	Băng keo lụa	Kích thước 5cm x 5m	Cuộn	
81	Băng keo chỉ nhiệt	Kích thước: 1,2 cm x 55m. Gồm lớp keo dính, băng nền và vạch chỉ thị hóa học.	Cuộn	
82	Băng thun	Kích thước 10cm x 3m	Cuộn	
83	Băng thun có keo	Kích thước 10cm x 4,5m	Cuộn	
84	Băng y tế	Kích thước 7cm x 2,5m	Cuộn	
85	Gạc hút y tế	khổ 0,8m-1m (10 sợi dọc-8 sợi ngang)	Mét	
86	Gạc VaSelin		Miếng	
87	Dây truyền dịch + kim cánh bướm	Dây truyền dịch + kim cánh bướm	Sợi	
88	Dây truyền dịch có kim	Đạt tiêu chuẩn ISO	Sợi	
89	Dây truyền máu	sợi	sợi	
90	Khóa 3 chạc có dây	Dây dài ≥ 25cm	cái	
91	Airway các số	Cái	Cái	
92	Bộ hút điều hoà kinh nguyệt	Bộ	Bộ	
93	Bộ Mask thở khí dung người lớn, Trẻ em	Làm bằng nhựa PVC y tế Có kẹp mũi loại điều chỉnh được Mặt nạ có dây đeo. Có ống thở dài 2m Kích cỡ có sẵn: S, M, L, XL Đóng gói riêng trong túi PE. Tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	

94	Dây hút đàm	Các số 5, 6,8,10,12,14,16,18, có van kiểm soát	Sợi	
95	Dây oxy 1 nhánh các cỡ	Chiều dài: 40cm, được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng cái.	Sợi	
96	Dây Oxy 2 nhánh sơ sinh, trẻ em	Chứng nhận EC. Tiêu chuẩn ISO.	Sợi	
97	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Dây thở oxy hai nhánh, trong suốt, dùng cho người lớn, ngạnh cong. Ống thông mềm, chiều dài ≥ 1.8m, được làm từ nhựa PVC mềm	sợi	
98	Mask Oxy nồng độ cao người lớn+dây	gồm: túi hơi dùng dự trữ oxy kết nối với ống lõi được mở an toàn, mặt nạ có dây đeo an toàn, kẹp mũi giúp điều chỉnh được size M, L, XL tương ứng cho người lớn.	Cái	
99	Mask Oxy nồng độ cao trẻ em +dây	gồm: túi hơi dùng dự trữ oxy kết nối với ống lõi được mở an toàn, mặt nạ có dây đeo an toàn, kẹp mũi giúp điều chỉnh được size M, L, XL tương ứng cho trẻ em	Bộ	
100	Mask thở oxy	Bộ mask gồm: 1 Dây dẫn khí trong suốt dài 1.8m đường kính 0.71" 1 Mask oxy PVC mềm, có dây vải thun bó vào đầu giúp mask áp kín sát vào mặt, kín khí. Trên mask có miếng kim loại giúp điều chỉnh hình dạng mask cho phù hợp với mũi của bệnh nhân. Co nối chữ V trên mask xoay được. Túi dự trữ oxy thể tích 1L. Sản phẩm tiệt trùng EO Hộp 1 bộ	cái	
101	Ống đặt nội khí quản có bóng	Từ số 3 đến số 8. Nội khí quản cong miệng bóng tròn, mềm dẻo. Có sợi cản quang. Không chất gây sốt. Không có chất latex (latex free). Tiệt trùng	Ống	
102	Ống đặt nội khí quản không bóng	Từ số 2 đến số 4,5. Nội khí quản cong miệng bóng tròn, mềm dẻo. Có sợi	Ống	

		cản quang. Không chất gây sốt. Không có chất latex (latex free). Tiệt trùng		
103	Ống hút nhớt có van	Các số 8, 10, 12, 14, dài 50cm	Ống	
104	Ống hút nhớt không van	Các số 8, 10, 12, 14, dài 50cm	Ống	
105	Sonde dạ dày có nắp	các số 6, 8, 10, 12, 14, 16	sợi	
106	Sonde dạ dày không nắp	các số 6, 10, 12, 14, 16	sợi	
107	Sonde Foley 1 nhánh	các số	Sợi	
108	Sonde Foley 2 nhánh	các số 12->30	cái	
109	Sonde trực tràng	Các số	Sợi	
110	Găng tay dài (sản khoa) chống dính	Giới hạn lỗ thủng: AQL= 4,0%. Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột	Đôi	
111	Găng tay vô khuẩn	các cỡ (6,5-7-7,5-8)	Đôi	
112	Găng tay vô khuẩn	các cỡ (6,5-7-7,5-8)	Đôi	
113	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Chất liệu cao su, tiệt trùng, có bột, các số 6,5; 7; 7,5; 8	Đôi	
114	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Chất liệu cao su, tiệt trùng, có bột, các số 6,5; 7; 7,5; 8	Đôi	
115	Găng tay khám, có bột	Size S, M, L. Găng tay cao su y tế có bột.	Đôi	
116	Bóp bóng giúp thở (người lớn và trẻ em)	cái	Cái	
117	Bộ súc rửa dạ dày	Bộ	Bộ	
118	Túi Camera mổ nội soi vô trùng	15cm x2,35cm. Vô trùng 1 túi, 1 cái	Túi	
119	Túi đo lượng máu sau sinh	70 x 105 cm. Bì 1 cái	Cái	
120	Túi đựng nước tiểu	Thể tích 2000 ml	Cái	
121	Túi lấy máu (túi đơn)	Túi đơn, thể tích 250ml	Túi	
122	Bao giày phòng mổ dùng 1 lần	Đôi	Đôi	
123	Khẩu trang than hoạt tính	Khẩu trang than hoạt tính	Cái	

124	Khẩu trang y tế 3 lớp	03 lớp, đạt tiêu chuẩn của BYT	Cái	
125	Khẩu trang y tế 4 lớp	04 lớp, đạt tiêu chuẩn của BYT	Cái	
126	Khẩu trang N95	Có hiệu lực lọc cao đạt tiêu chuẩn EN 149:2001 + A1: 2009 FFP2 NR D và EN 14683:2019 type I, II hoặc IIR, NIOSH-42C FR84	Cái	
127	Trang phục chống dịch cấp độ 2	Đạt cấp độ 2 theo các chỉ tiêu kỹ thuật Quyết Định số 1616/QĐ-BYT.	Bộ	
128	Trang phục chống dịch cấp độ 3	Đạt cấp độ 3 theo các chỉ tiêu kỹ thuật Quyết Định số 1616/QĐ-BYT.	Bộ	
129	Bao vải máy đo huyết áp các size	Cái	Cái	
130	Bộ đèn đặt nội khí quản	Bộ	Bộ	
131	Bóng đèn hồng ngoại	Cái	Cái	
132	Bàn chải rửa tay phẫu thuật	Cái	Cái	
133	Cân sức khỏe điện tử	Cái	Cái	
134	Dây Garô	Sợi	Sợi	
135	Đè lưỡi gỗ	Hộp 100 cái	cái	
136	Đèn cực tím 90 cm	Cái	Cái	
137	Đèn gù	cao 160 cm	Cái	
138	Điện cực dán	cái	Cái	
139	Đồng hồ Oxy	Cái	Cái	
140	Giấy lau thấu kính	Tập 100 tờ	Tập	
141	Bình hủy kim	thể tích: 6,8 lít	Hộp	
142	Máy đo huyết áp điện tử	Phạm vi đo: huyết áp từ 0 đến 299 mmHg	cái	
143	Huyết áp kế	Huyết áp kế gồm: bao vải (50cm x 14,5cm) + túi hơi, đồng hồ, quả bóp	Cái	
145	Huyết áp nhi	Máy đo huyết áp cơ với vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Hệ	Cái	

		thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn (không bị lệch điểm không). Tai nghe có độ khuyếch đại lớn.		
146	Kéo cắt chỉ	Cái	Cái	
147	Kẹp rốn tiệt trùng	Chất liệu nhựa	Cái	
148	Mũ giấy y tế	1cái/gói	Cái	
149	Nhiệt kế điện tử	cái	cái	
150	Nhiệt kế thủy ngân	Chiếc	Chiếc	
151	Ống cắm Pank	Size: ϕ 5 x 14 cm Chất liệu: inox không gỉ dùng trong y tế Công dụng:Dùng để cắm panh, nhíp, kéo, dụng cụ sơ cứu,…Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	
152	Ống nghe	Loại 1 dây dẫn, làm bằng chất liệu cao su chống lão hóa ,bộ phận khuếch đại âm thanh,làm bằng chất liệu Aluminum, màng khuếch đại có độ nhạy âm cao. Có 2 mặt nghe tim và phổi	Cái	
153	Túi hơi huyết áp	Cái	Cái	
154	Tăm bông lấy mẫu vô trùng	Que nhựa cứng, đầu bông nhỏ phù hợp lấy mẫu dịch niệu đạo, không cần môi trường chuyên chở. Được tiệt trùng và đóng gói từng cái riêng biệt.	Que	
155	Tăm bông lấy mẫu dịch tỵ hầu	Đóng gói tiệt trùng từng cái.	que	
156	Vòng đeo tay bệnh nhân người lớn	Dùng để ghi lại các thông tin quan trọng, để nhận dạng và được gắn vào cổ tay bệnh nhân: tên , tuổi ,gới tính,khoa,phòng điều trị …. Chất liệu: PVC Kích thước: 24 cm	Cái	
157	Vòng đeo tay trẻ em	Dùng để ghi lại các thông tin quan trọng, để nhận dạng và được gắn vào cổ tay	Cái	

		bệnh nhân: tên , tuổi ,gới tính,khoa,phòng điều trị …. Chất liệu: PVC Kích thước: 17 cm		
158	Vòng tránh thai chữ T	cái	cái	
159	Kiềm kẹp kim	chiều dài từ 14 - 16cm	Cái	
160	Phẩu tích	chiều dài từ 14 - 16cm	Cái	
161	Nẹp iselin	các cỡ. Làm từ nhôm và đệm mút, có thể uốn theo tư thế điều trị.	Cái	
162	Nẹp cẳng tay gân duỗi trái, phải	Nẹp cẳng tay gân duỗi trái, phải; Nhóm 5 theo Thông tư 14/2020/TT-BYT; Phân loại A	Cái	
163	Nẹp cẳng tay ôm ngón cái	cái	Cái	
167	Nẹp cổ cứng H2	Làm từ chất liệu mềm, nhẹ. Gồm 2 mảnh riêng biệt, mảnh phía trước được gắn khuôn nhựa tạo lỗ rộng để luồn ống nội khí quản, mảnh phía sau được gắn thêm thanh nẹp nhựa giúp tăng cường độ cố định cho sản phẩm, 2 mảnh được gắn với nhau bởi băng nhám dính, sản phẩm có những lỗ nhỏ giúp thoáng khí khi sử dụng	Cái	
168	Nẹp cổ mềm H1	Các số XXS, XS, S, M, L, XL, XXL	Cái	
169	Đai Desault trái, phải	Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí, có khóa.	Cái	
170	Đai xương đòn các cỡ	Đai Xương đòn các cỡ (tất cả các size). Hình dạng số 8. Vải cotton, mút xốp, khóa Velcro với các kích cỡ khác nhau, đóng gói riêng từng cái.	Cái	
171	Đai xương đòn các cỡ	Các số; Làm từ vải cotton, mút xốp. Có khóa Velcro. Dùng cố định khi chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn, vỡ xương bả vai, trật khớp ức đòn	cái	
	Tổng cộng: 171 danh mục			

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP
Địa chỉ :

Biểu mẫu 01

BÁO GIÁ

Kính gửi : Trung tâm Y tế huyện Tuy An

Căn cứ thông báo số …../TB-TTYT ngày …tháng … năm… của Trung tâm Y tế huyện Tuy An V/v cung cấp báo giá vật tư bị y tế, hóa chất, sinh phẩm, khí oxy, công ty chúng tôi……

STT	Tên trang thiết bị y tế/ Model	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Hãng/ nước sản xuất	Hãng/ nước chủ sở hữu	Phân nhóm (TT14)	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá đã có VAT	Thành tiền	Mã kê khai giá theo NĐ98	Ghi chú
1												
…												
	Tổng cộng:											

- Điều kiện giao hàng, thanh toán, bảo hành, bảo trì. -

Hiệu lực báo giá.

Ghi chú : Giá chào là giá đã bao gồm VAT, phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, lệ phí (nếu có).

…., ngày…… tháng ….. năm….

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ